

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2026/HNGĐ-ST

Ngày 11-02-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lương

Ông Doãn Văn Sáng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Thế Duyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số 248/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thu T, sinh năm 1992; căn cước công dân số: 031192002569; nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố Hà Phú 3, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 2, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ dân phố Cao Nhân 9, phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Hoà, Cục C10 Bộ Công an; địa chỉ: Ấp Thuỷ Tây, xã Thanh Hoá, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 05 tháng 12 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thu T trình bày:

Chị Bùi Thu T kết hôn với anh Phạm Văn T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải Phòng ngày 25/11/20214. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống chung không thống nhất, vợ chồng thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Hiện anh T đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Hoà về tội mua bán trái phép chất ma túy. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T. Chị và anh Phạm Văn T có 01 con chung tên Phạm Bùi An Bình, sinh ngày 23/02/2015. Hiện con chung đang ăn ở, sinh sống cùng chị T. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do chị và anh T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 03 tháng 01 năm 2026, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh T kết hôn với chị Bùi Thu T trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào năm 2014. Hiện anh T đang chấp hành án về tội mua bán trái phép chất ma túy nên đồng ý ly hôn chị T. Anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung là Phạm Bùi An Bình, sinh ngày 23/02/2015. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung do anh và chị T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T đang chấp hành án tại Trại giam nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn

nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thu T và anh Phạm Văn T. Giao con chung tên Phạm Bùi An Bình, sinh ngày 23/02/2015 cho chị Bùi Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Bùi Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh của con; Bản tự khai; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Phạm Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thu T và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải Phòng vào ngày 25/11/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương và lời khai của các đương sự thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống chung vợ chồng không thống nhất. Mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện anh T đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Hoà, Tây Ninh về tội mua bán trái phép chất ma túy. Do mâu thuẫn chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng ăn ở sinh sống. Nay chị T xin ly hôn, anh T đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thu T và anh Phạm Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy,

căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thu T được ly hôn anh Phạm Văn T.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thu T và anh Phạm Văn T có 01 con chung tên Phạm Bùi An Bình, sinh ngày 23/02/2015. Xét hiện nay chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dạy con chung và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, anh T đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con chung do anh đang chấp hành án. Con chung trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung tên Phạm Bùi An Bình, sinh ngày 23/02/2015 cho chị Bùi Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với các quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thu T và anh Phạm Văn T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Bùi Thu T và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Bùi Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thu T và anh Phạm Văn T

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Bùi An Bình, sinh ngày 23/02/2015 cho chị Bùi Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thu T và anh Phạm Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thu T và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007892 ngày 11 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thu T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hải Phòng;
- UBND phường Lê Ích Mộc, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huân

